

PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG MẪU TRONG DẠY HỌC TẠO LẬP VĂN BẢN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

TRẦN THANH BÌNH*

Sử dụng mẫu là một phương pháp quen thuộc trong lý thuyết dạy học làm văn trước đây. Tuy nhiên, trong thực tiễn, phương pháp này rất dễ biến tướng thành việc sao chép, học thuộc văn mẫu. Bài viết xác định lại bản chất và quy trình thực hiện phương pháp sử dụng mẫu để có thể vận dụng hiệu quả phương pháp này trong quá trình dạy học phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh theo Chương trình môn Ngữ văn năm 2018.

Từ khóa: phương pháp dạy học, mẫu, năng lực, tạo lập văn bản, tích cực

Nhận bài ngày: 10/02/2022; đưa vào biên tập: 16/02/2022; phản biện: 15/3/2022; duyệt đăng: 10/4/2022

1. DẪN NHẬP

Trong cách tiếp cận của Chương trình môn Ngữ văn năm 2018, một trong những mục tiêu chính của bộ môn này là hướng đến việc hình thành, phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học cho học sinh. Từ các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe những văn bản văn học, thông tin, nghị luận cụ thể, quá trình dạy học Ngữ văn được triển khai thành hai nhiệm vụ: phát triển năng lực tiếp nhận văn bản (bước phát triển mới của dạy học đọc hiểu; chủ yếu là văn bản văn học) và phát triển năng lực tạo lập văn bản (bước phát triển mới của dạy học làm văn; chủ yếu là văn bản nghị luận và văn bản thông tin). Nếu năng lực tiếp nhận

văn bản là khả năng huy động tổng hợp kiến thức về kiểu loại, cấu trúc văn bản và kỹ năng tri giác ngôn ngữ, tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng, cảm thụ thẩm mỹ để giải mã, tạo nghĩa và đánh giá văn bản trên cả hai phương diện hình thức và nội dung thì năng lực tạo lập văn bản là khả năng huy động tổng hợp năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, năng lực tư duy, tri thức văn hóa xã hội, kinh nghiệm, vốn sống cá nhân, kỹ năng biểu đạt cảm xúc, ý tưởng... để tạo ra những sản phẩm viết/nói hoàn chỉnh về nội dung, đáp ứng yêu cầu về hình thức, phù hợp với mục đích, nội dung, hoàn cảnh, điều kiện giao tiếp cụ thể. Sản phẩm giao tiếp ấy, một mặt thể hiện khả năng vận dụng những gì đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn của học sinh; mặt khác là cơ sở để giáo viên đánh giá chính xác,

* Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh.

khách quan mức độ năng lực người học. Hướng đến mục tiêu này, phương pháp dạy học tạo lập văn bản cần chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong giao tiếp hiện thực để đặt học sinh thực sự ở vị trí của một nhân vật giao tiếp có cá tính; biết diễn đạt kết quả tư duy của mình một cách chặt chẽ, rõ ràng, có sức thuyết phục; biết huy động kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau để tạo ra và làm phong phú ý tưởng; biết vận dụng đan xen, sáng tạo các phương thức biểu đạt và thao tác lập luận trong một bài viết; biết lập luận, phản bác để bảo vệ ý kiến của mình một cách cầu thị, đúng mực, tự tin... Để thực hiện mục tiêu này, sử dụng mẫu là một phương pháp quan trọng. Bài viết làm rõ một số vấn đề về phương pháp sử dụng mẫu để phát huy hiệu quả và tính tích cực của phương pháp này trong dạy học tạo lập văn bản.

2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

Trong lý luận và thực tiễn dạy học tạo lập văn bản (làm văn) ở trường phổ thông, việc sử dụng mẫu vốn là một phương pháp hết sức quen thuộc: “Trong dạy học làm văn, nếu như giáo viên chỉ giảng cho học sinh nghe, chẳng hạn thế nào là văn bản phân tích văn học, bình giảng văn học, bình luận văn học... mà không hề chỉ ra cho học sinh thấy một mẫu cụ thể đang tồn tại để các em có thể nhìn tận mắt hình thù cụ thể của loại văn bản đó thì chắc chắn là hiệu quả giờ giảng thấp (...). Có dựa theo mẫu, làm theo

mẫu, các em mới có thể hình thành được khái niệm, nhất là các thao tác, để sau đó các em làm theo” (Lê A và nnk, 1996: 205-206). Tuy nhiên, có lẽ do cách hiểu thông thường: mẫu là “1. *Cái theo đó có thể tạo ra hàng loạt những cái khác cùng một kiểu*; 2. *Cái có thể cho người ta hiểu biết về hàng loạt những cái khác cùng một kiểu*” (Hoàng Phê, 2000: 624), nên có nhiều ý kiến cho rằng dạy học làm văn theo phương pháp sử dụng mẫu là cách dạy học thụ động, không phát huy được tính tích cực, sáng tạo của học sinh. Trên thực tế, suốt một thời gian dài, không ít giáo viên, học sinh đã biến quá trình thực hành làm văn thành việc sao chép văn mẫu, học thuộc văn mẫu, biến sản phẩm làm văn từ chuyện hứng thú sáng tạo, bày tỏ thái độ, quan điểm cá nhân thành công việc nặng nề, gò bó, công thức... Ngay từ năm 1973, thực trạng này đã trở thành một vấn nạn, đến mức Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng (1973: 2) trong bài viết *Dạy văn là một quá trình rèn luyện toàn diện* đã phải cảnh báo: “Tôi nghĩ rằng hiện nay trong nhà trường phổ thông chúng ta có hiện tượng dạy văn theo điệu “sáo” (...) nghĩa là cho học sinh học nhiều, yêu cầu học sinh nhớ nhiều để bắt chước, rồi làm văn”; và gần đây, tại Hội nghị Tổng kết năm học 2020-2021, triển khai nhiệm vụ năm học 2021-2022, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã yêu cầu năm học mới, các trường phổ thông phải học thật, thi thật; riêng môn Ngữ văn phải chấm dứt học theo văn mẫu, bài mẫu...

Thật ra, trong khoa học và giáo dục nói chung, khai thác và sử dụng mẫu là phương pháp nhận thức vốn quen thuộc và cần thiết: “Phương thức đi từ mẫu chuẩn là một phương thức phổ biến trong khoa học kỹ thuật và dạy học ngày nay. Mẫu thường đạt đến trình độ chuẩn mực về lý thuyết. Phân tích mẫu để hình thành tri thức lý thuyết là con đường quy nạp trong khoa học và trong giáo dục” (Phan Trọng Luận và nnk, 1996: 314). Còn trong dạy học môn Ngữ văn, sử dụng mẫu “là phương pháp giáo viên chọn và giới thiệu các mẫu hoạt động ngôn ngữ rồi hướng dẫn học sinh phân tích để hiểu và nắm vững cơ chế của chúng rồi bắt chước mẫu đó một cách sáng tạo vào lời nói của mình” (Lê A và nnk, 1996: 69). Như vậy, để sử dụng phương pháp này theo định hướng phát triển năng lực người học, trong phương pháp dạy học tạo lập văn bản hiện nay cần thống nhất một quan niệm chính xác về mẫu; tiếp theo cần xác lập một quy trình đầy đủ, toàn diện về cách thức khai thác và sử dụng mẫu trong thực hành làm văn.

Về khái niệm mẫu trong dạy học tạo lập văn bản, có thể tổng hợp các nét nghĩa chính của khái niệm này như sau: 1) Mẫu là cái mà theo đó, giáo viên hướng dẫn học sinh cách thức làm theo để tạo lập những văn bản của từng cá nhân; mẫu cũng là cái mà theo đó, giáo viên giúp học sinh nhận ra những yếu tố tương tự rồi rút ra quy trình, cách thức tạo lập một văn

bản cụ thể theo những nội dung, yêu cầu cụ thể; 2) Mẫu chỉ là một trong những chuẩn mực để giáo viên dựa vào đó hướng dẫn học sinh cách thức hiện nhưng nó không phải là cái khuôn duy nhất để bó buộc, và cũng không được bó buộc học sinh phải làm theo một cách máy móc, hình thức; 3) Mẫu không phải là cái để học sinh rập khuôn, từ đó tạo ra những sản phẩm giống nhau, cũng không phải là cái toàn bích đến mức học sinh không thể đạt đến.

3. PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG MẪU TRONG DẠY HỌC TẠO LẬP VĂN BẢN

3.1. Phương pháp

Phương pháp sử dụng mẫu trong dạy học tạo lập văn bản được thực hiện với quy trình khai thác và sử dụng mẫu gồm ba bước: lựa chọn và phân tích mẫu, luyện tập theo mẫu, sáng tạo vượt mẫu.

- Lựa chọn và phân tích mẫu

Trước đây, trong cách dạy học làm văn, nhiều giáo viên thường chỉ đơn giản sưu tầm, biên soạn và sau đó cung cấp một số bài văn mẫu; học sinh học thuộc những mẫu đó để khi gặp những đề thi, kiểm tra tương tự thì cứ thế sao chép lại. Còn trong dạy học tạo lập văn bản hiện nay, giáo viên phải biết khai thác nhiều loại mẫu, biết lựa chọn, sử dụng những mẫu đó một cách đa dạng, linh hoạt, phù hợp với từng yêu cầu cụ thể; và quan trọng nhất là giáo viên phải hiểu rõ cung cấp mẫu chỉ là bước đầu tiên

trong quy trình dạy học theo phương pháp này.

Trước hết, mẫu có thể là những văn bản được lựa chọn sử dụng như những ngữ liệu có giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, tiêu biểu về kiểu văn bản và thể loại, chuẩn mực và sáng tạo về ngôn ngữ trong sách giáo khoa Ngữ văn; những văn bản này không phải yêu cầu học sinh học thuộc mà nhằm giúp học sinh trực tiếp thấy được đặc điểm kết cấu, cách thức bố cục, phương thức biểu đạt, thao tác liên kết, chuyển ý... của kiểu loại văn bản sẽ được tạo lập. Trong xu hướng tích hợp giữa tiếp nhận văn bản với tạo lập văn bản của dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực hiện nay, giáo viên cần khai thác tối đa nội dung và hình thức của văn bản đọc hiểu, biến văn bản đọc hiểu (đối tượng của tiếp nhận văn bản) thành văn bản mẫu – công cụ của tạo lập văn bản. Chẳng hạn: Văn bản *Một thời đại trong thi ca* (Hoài Thanh) sẽ giúp học sinh hiểu thêm cách tạo lập văn bản nghị luận về một giai đoạn văn học, từ đó hình thành một mẫu để học sinh tham khảo khi cần viết những bài nghị luận văn học về những giai đoạn văn học cụ thể như: văn học thời kỳ chống Pháp, văn học thời kỳ chống Mỹ, văn học thời kỳ đổi mới...; văn bản *Ôn dịch, thuốc lá* (Nguyễn Khắc Viện) sẽ giúp học sinh hiểu thêm cách tạo lập văn bản nghị luận về một hiện tượng đời sống, từ đó hình thành một mẫu để học sinh tham khảo khi cần viết những bài nghị luận về các hiện

tượng đời sống khác như: bạo lực học đường, thói vô cảm, ô nhiễm môi trường; văn bản *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* (Phạm Văn Đồng) sẽ giúp học sinh hiểu thêm cách tạo lập văn bản nghị luận về một tác giả văn học, từ đó hình thành một mẫu để học sinh tham khảo khi cần viết những bài nghị luận về các tác giả văn học khác như Nguyễn Du, Nam Cao, Nguyễn Tuân ...

Thứ hai, mẫu có thể là những khung ý chung cho yêu cầu tạo lập một kiểu loại văn bản; trên cơ sở nắm vững khung ý, học sinh một mặt đảm bảo kết cấu, bố cục cho văn bản cần tạo lập, mặt khác có định hướng huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, vốn sống, cảm xúc... của mình để chuyển hóa, cụ thể hóa khung ý thành những dàn ý cụ thể. Ví dụ:

1) Khung ý cho tạo lập văn bản nghị luận một vấn đề về tư tưởng, đạo lý

Mở bài: Giới thiệu tư tưởng, đạo lý cần bàn luận.

Thân bài:

- Giải thích tư tưởng, đạo lý cần bàn luận.

- Phân tích những biểu hiện của vấn đề cần bàn trên nhiều khía cạnh, nhiều góc độ, nhiều mối quan hệ.

- Liên hệ, so sánh, đối chiếu với thực tế cuộc sống để nêu những dẫn chứng cụ thể.

- Phê phán, lên án lối sống, suy nghĩ, quan điểm sai trái, lệch lạc.

- Liên hệ bản thân, rút ra bài học nhận thức và hành động.

Kết bài: Đánh giá, khẳng định giá trị của vấn đề đã bàn luận.

2) Khung ý cho tạo lập văn bản nghị luận về một hiện tượng đời sống

Mở bài: Giới thiệu hiện tượng đời sống cần bàn luận.

Thân bài:

- Nêu rõ những biểu hiện của hiện tượng.

- Phân tích các mặt đúng, sai, lợi, hại của hiện tượng.

- Tìm hiểu nguyên nhân và bày tỏ thái độ, ý kiến của mình về hiện tượng và bày tỏ thái độ, ý kiến của mình về hiện tượng.

- Đề xuất giải pháp cụ thể để khắc phục cái hại, cái sai và phát huy cái tốt, cái đúng của hiện tượng.

- Phương hướng hành động của bản thân.

Kết bài: Đánh giá chung về hiện tượng đã bàn luận.

3/ Khung ý cho tạo lập văn bản nghị luận về một tác giả văn học

Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn tên tuổi, hoàn cảnh xã hội và giai đoạn hoạt động văn học của tác giả.

Thân bài:

- Vài nét về cuộc đời và sự nghiệp của tác giả.

- Giới thiệu ngắn gọn quá trình sáng tác, quá trình hình thành, phát triển thể giới quan của nhà văn dưới tác động của những điều kiện chính trị, xã hội, tư tưởng nhất định.

- Giới thiệu một số tác phẩm tiêu biểu của tác giả; xác định vị trí và ảnh hưởng của tác giả đó đối với tiến trình phát triển văn học và văn hóa, xã hội nói chung.

- Khái quát những thành tựu nghệ thuật của tác giả.

Kết bài: Rút ra bài học từ nhân cách và tấm gương lao động nghệ thuật của tác giả...

Thứ ba, mẫu có thể là những trích đoạn/văn bản của các nhà văn, nhà nghiên cứu, phê bình, lý luận văn học được khai thác như những ngữ liệu tham khảo để minh họa, củng cố, làm sáng tỏ thêm những kiến thức lý thuyết tạo lập văn bản. Mẫu cũng có thể là những bài làm văn của chính học sinh; loại mẫu này lâu nay vẫn được giới thiệu phổ biến trong những tuyển tập văn mẫu dành cho từng cấp (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông). “Phương thức đi từ những bài làm của học sinh có cái hay mà cũng có cái dở. Hay là gần gũi, dễ tạo ra được tình huống và tâm thế học tập cho học sinh. Cái sai, cái đúng của bài làm của học sinh thường có tính phổ biến với các em. Tuy nhiên tính tương đối chuẩn mực ở từng bài làm của học sinh không tạo được những dữ kiện tối ưu cho việc hình thành lý thuyết chuẩn mực” (Phan Trọng Luận, 1996: 314).

- Luyện tập theo mẫu

Luyện tập theo mẫu là khâu bản lề của phương pháp sử dụng mẫu. Ở khâu này, học sinh không chỉ là lặp lại mẫu nhằm củng cố kiến thức, rèn

luyện kỹ năng mà chủ yếu là thực hiện các dạng bài tập tương tự với mẫu; không chỉ tái tạo lại cái đã học theo cách thức không thay đổi mà là bước đầu đòi hỏi sự phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết vấn đề trong những tình huống thay đổi. Ví dụ:

- Từ bài văn mẫu tả con mèo, yêu cầu học sinh lập dàn ý chi tiết cho bài tả con vật khác (con chó, con gà, con bò, con vịt...).
- Từ bài văn mẫu phân tích nhân vật Thúy Kiều, yêu cầu học sinh lập dàn ý chi tiết cho bài phân tích một nhân vật khác trong tác phẩm đã học (chị Dậu, người đàn bà hàng chài, thị Nở, My, cô Nguyệt...).
- Từ văn bản đọc hiểu *Đấu tranh cho một thế giới hòa bình* (G.G. Mác-két), yêu cầu học sinh lập đề cương chi tiết cho bài nghị luận *Hãy chung tay bảo vệ môi trường*.
- Từ khung ý *Nghị luận về một tác giả văn học*, yêu cầu học sinh lập dàn ý chi tiết cho bài nghị luận về một tác giả cụ thể do học sinh tự chọn....

- Sáng tạo vượt mẫu

Ở bước này, học sinh thực hiện các dạng bài tập tuy vẫn dựa trên mẫu nhưng không còn là tái tạo mẫu mà đã là sáng tạo vượt qua mẫu, vận dụng mẫu vào những tình huống mới, tạo cơ hội cho nhiều cách tiếp cận, nhiều con đường giải quyết vấn đề khác nhau theo kinh nghiệm, kiến thức, cảm nhận, vốn sống, cách diễn đạt... của cá nhân, phù hợp với yêu cầu nội dung tạo lập văn bản. Ví dụ:

- Dựa vào dàn ý chi tiết đã lập, yêu cầu học sinh viết phần Mở bài/Kết bài theo những cách khác nhau.
- Dựa vào dàn ý chi tiết đã lập, yêu cầu học sinh viết đoạn văn phân tích tính cách nhân vật thể hiện qua ngôn ngữ (hình dáng, trang phục, tâm lý...) của nhân vật đó.
- Cho học sinh chọn một nội dung trong dàn ý chi tiết đã lập để viết thành một/một số đoạn văn hoàn chỉnh...

3.2. Một số nhận xét

Nếu hình dung quá trình dạy học phát triển năng lực tạo lập văn bản gồm 2 giai đoạn luyện tập và thực hành thì sáng tạo vượt mẫu là bước cuối cùng của giai đoạn luyện tập, đồng thời là bước đầu tiên của giai đoạn thực hành; nghĩa là chỉ khi đạt được trình độ biết sáng tạo vượt mẫu, học sinh mới bắt đầu có thể được coi là biết thực hành làm văn. Cách hình dung này cho thấy:

Thứ nhất, 3 bước trong quy trình khai thác và sử dụng mẫu cơ bản là phù hợp với quan niệm về 3 mức phát triển nhận thức của lý luận dạy học hiện đại (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014: 46):

Các mức quá trình	Các bậc trình độ nhận thức	Các đặc điểm
1. Hồi tưởng thông tin	Tái hiện Nhận biết lại Tái tạo lại	- Nhận biết lại cái gì đã học theo cách thức không thay đổi.

		- Tái tạo lại cái đã học theo cách thức không thay đổi.
2. Xử lý thông tin	Hiểu và vận dụng Nắm bắt ý nghĩa Vận dụng	- Phản ánh theo ý nghĩa cái đã học. - Vận dụng các cấu trúc đã học trong tình huống tương tự.
3. Tạo thông tin	Xử lý, giải quyết vấn đề	- Nghiên cứu có hệ thống và bao quát một tình huống bằng những tiêu chí riêng. - Vận dụng các cấu trúc đã học sang một tình huống mới. - Đánh giá một hoàn cảnh, tình huống thông qua những tiêu chí riêng.

Thứ hai, sử dụng mẫu không phải bao trùm toàn bộ quá trình tạo lập văn bản mà chỉ là một trong những phương pháp tổ chức, hướng dẫn học sinh tiếp thu, củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng tạo lập những kiểu loại văn bản thông dụng trong Chương trình dạy học Ngữ văn. Ở giai đoạn tiếp theo, trên cơ sở kỹ năng sáng tạo vượt mẫu, học sinh sẽ bắt đầu thực hành tạo lập hoàn chỉnh những văn bản cụ thể theo một quy trình khác, đó là quy trình tạo lập văn bản. Về quy trình này, tài liệu *Hướng dẫn dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông*

môn Ngữ văn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019: 62) đã đề nghị: “việc dạy học viết cần tập trung vào yêu cầu hướng dẫn học sinh các bước tạo lập văn bản, thực hành viết theo các bước và đặc điểm của kiểu văn bản. Thông qua thực hành, giáo viên hướng dẫn để học sinh nắm được quy trình tạo lập văn bản gồm các bước: (1) xác định mục đích và nội dung viết; (2) thu thập tư liệu, hình thành ý tưởng và lập dàn ý cho bài viết; (3) viết văn bản; (4) chỉnh sửa văn bản”.

4. KẾT LUẬN

Từ những trình bày ở trên, có thể thấy nếu hiểu và thực hiện đúng quy trình, phương pháp sử dụng mẫu trong dạy học tạo lập văn bản không hề triệt tiêu tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, cũng không biến hoạt động tạo lập văn bản của học sinh thành học thuộc, sao chép mẫu. Chia sẻ với quan niệm “trong học tập, nhất là ở bậc học phổ thông, nhiều kỹ năng phải bắt đầu từ động tác máy móc rồi mới đến kỹ năng tự giác. Cũng như học thuộc lòng, cái gì cũng thuộc lòng thì là học vẹt, song rất nhiều cái nếu không học thuộc lòng thì không bao giờ đủ kiến thức để suy nghĩ và sáng tạo” (Trần Thanh Đạm, 2012: 221), chúng tôi cho rằng: để phù hợp với quá trình nhận thức nói chung, với định hướng phát triển năng lực tạo lập văn bản nói riêng, cần hướng dẫn giáo viên, học sinh khai thác và sử dụng mẫu linh hoạt, sáng tạo.□

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2014. *Dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh môn Ngữ văn cấp trung học phổ thông*. Tài liệu lưu hành nội bộ. Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2019. *Hướng dẫn dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*. Tài liệu lưu hành nội bộ. Hà Nội.
3. Hoàng Phê (chủ biên). 2000. *Từ điển tiếng Việt*. Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học.
4. Lê A - Nguyễn Quang Ninh - Bùi Minh Toán. 1996. *Phương pháp dạy học tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
5. Phạm Văn Đồng. 1973. “Dạy văn là một quá trình rèn luyện toàn diện”. *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, số 28.
6. Phan Trọng Luận - Trương Đình - Nguyễn Thanh Hùng - Trần Thế Phiệt. 1996. *Phương pháp dạy học văn*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Trần Thanh Đạm. 2012. *Tuyển tập các bài viết về giáo dục và văn học*. Trung tâm Nghiên cứu Quốc học. Hà Nội: Nxb. Văn học.